

Quá trình phát triển và đặc điểm Phật giáo thời Lý, Trần

TS. TRẦN THỊ THÚY NGỌC

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Email: tranthuyngoc1@yahoo.com

Tóm tắt: Phật giáo gắn bó với dân tộc, góp phần hình thành đạo đức, tâm lý, lối sống và phong tục tập quán dân tộc Việt Nam. Thời Lý (1009 - 1225) và Trần (1226-1400) là hai triều đại thịnh vượng nhất trong lịch sử Việt Nam từ trước đến nay. Giai đoạn Lý, Trần, mặc dù quyền lực của triều đình không bao trùm lên toàn bộ đời sống nhưng đời sống xã hội lại vô cùng phát triển. Thời Lý, Trần dung nạp cả Nho, Phật, Đạo trên một tinh thần hòa đồng khoan dung. Phật giáo vững chắc trong đời sống tinh thần của nhân dân. Trong bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu quá trình phát triển và một số đặc điểm cơ bản của Phật giáo thời Lý, Trần tạo nên sắc thái đặc sắc của thời kỳ này.

Từ khóa: hình thành; phát triển; đặc điểm; Phật giáo Lý, Trần.

1. Sơ lược quá trình phát triển của Phật giáo thời Lý, Trần

Giai đoạn huy hoàng nhất của Phật giáo Việt Nam, với thể chế chính trị thời đại Lý, Trần theo mô hình quân chủ quý tộc - Phật giáo, các vua Lý, Trần ngày ấy mặc dù phải trải qua nhiều thách thức khắc nghiệt của lịch sử, không những đã giữ vững được chủ quyền của dân tộc mà còn tạo thế đi lên cho đất nước⁽¹⁾. Rõ ràng, Phật giáo Lý, Trần đã có vai trò là yếu tố tư tưởng quan trọng góp phần gắn kết lòng người và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đó cũng chính là tinh thần nhập thế "tốt đời, đẹp đạo" đồng hành cùng dân tộc - một đặc điểm nổi trội của Phật giáo Việt Nam.

Năm 1299, Trần Khâm (Trần Nhân Tông) chính thức vào Yên Tử lập nên thiền phái Trúc Lâm. Phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử ra đời gắn với tên tuổi của ba vị tổ sư: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang. Đến đời nhà Trần, Phật giáo đạt đến mức cực thịnh và trở thành tôn giáo chính thống của đất nước, Phật giáo đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên với các nhà sư nổi tiếng Ứng Thuận, Trúc Lục, Thiên Phong, Pháp Loa, Huyền Quang. Trong quan niệm về con người, các Thiền sư đời Trần cho rằng, sắc thân con người do niệm khởi, duyên hội, ngũ uẩn hợp thành. Thân của con người do cha mẹ sinh ra, do tứ đại, ngũ uẩn hợp thành, là cái thân có trong cuộc đời nhưng lại là ảo, không phải là thực (vô

ngã). Con người chịu sự chi phối của các quy luật biến diệt (vô thường) nên cuộc đời con người chỉ là thoáng qua như mây trôi, nước chảy, mong manh tạm bợ giống như hơi thở nơi mũi. Mọi công danh phú quý chỉ là một giấc mộng. Các ông cho rằng cuộc đời con người là khổ. Nguyên nhân sâu xa gây ra khổ chính là vô minh, nhận thức bị mê mờ, sinh ra vọng niệm - con người cho rằng thế giới vô thường là thực tại chấp có cái Ta... Vọng niệm là nguyên nhân gây ra phiền não, gây ra mọi nghiệp nhân tạo thành quả khổ sinh tử. Vì vậy, muốn diệt khổ, trước hết phải không tạo nghiệp nhân, tức phải diệt trừ vô minh, diệt được ngã tưởng, từ đó, nhận chân được thế giới vô thường vô ngã, từ đó cắt được xiềng xích của luân hồi, thoát khỏi khổ não trong bể sinh tử, tới chốn Niết bàn giải thoát.

Con đường giải thoát là sự kết hợp giữa phép đốn ngộ và tiệm ngộ. Con đường tiệm ngộ được thực hiện qua quá trình tu tập Tam học và Bát chính đạo. Đốn ngộ được thực hiện không phải qua con đường ngôn ngữ văn tự hay suy luận tư biện mà bằng trực giác "tâm truyền tâm" Thiền tông Việt Nam có tinh thần cứu nhân độ thế; cứu muôn dân, trăm họ là công việc khẩn thiết, cấp bách hơn cả, dù có vi phạm giới luật. Chính bằng việc khai mở tâm đi dần đến giác ngộ bằng con đường tham gia tích cực vào việc cứu đời nên Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp to lớn trong công cuộc chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập, chủ quyền cho dân tộc.

2. Đặc điểm của Phật giáo thời Lý, Trần

Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam đã hòa nhập, thích nghi với đời sống tâm linh, văn hóa của nhân dân, nên có những đặc điểm riêng biệt rất phong phú. Phật giáo đã được các vị thiền sư người Việt bản địa hóa, khiến nó hòa mình vào dòng chảy của dân tộc tạo và tạo nên một sắc thái riêng biệt. Phật giáo đã cùng sinh tồn với dân tộc. Dễ dàng nhận thấy thời Lý, Trần - đều là lúc Phật giáo cùng song hành hưng thịnh, phát triển cùng đất nước và các vị thiền sư có vị trí quan trọng trong triều đình. Dù được bản địa hóa để quyện mình vào lòng dân tộc nhưng tam tạng kinh điển Phật giáo Việt Nam vẫn được truyền thừa trong suốt hơn 2000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam.

2.1. Đề cao tính nhập thế tích cực

Thời Lý, Trần là thời kỳ Phật giáo trở thành quốc giáo. Thời kỳ này các Phật tử vì cái thiện lớn, đức lớn mà sẵn sàng cầm gươm, lên ngựa, sẵn sàng vi phạm giới luật (cầm sát sinh), giết một người để cứu muôn người, lúc này việc giải cứu dân tộc, quê hương, đất nước trước thảm họa ngoại xâm đánh đuổi kẻ thù là trên hết. Không thể vì một điều thiện nhỏ của cá nhân mà quên đi điều thiện lớn của cả dân tộc, ở đây phá giới theo tinh thần phá chấp. Triều đại nhà Trần là triều đại kéo dài 175 năm trong lịch sử phong kiến Việt Nam, với nhiều thành tựu về võ công, văn trị hiển hách và góp một phần trong thắng lợi đó có Phật giáo giữ vai trò rất quan trọng trong đấu tranh chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Thời kỳ này với các nhà sư nổi tiếng như: Ứng Thuận, Tứ Lục, Đại Đăng, Thiên Phong, Pháp Loa, Huyền Quang. Nhiều vị vua, nhiều quan lại, tướng xuất sắc nhưng đồng thời là nhà Phật học uyên thâm như vua Trần Thái Tông, vua Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Tung - đây là nét đặc sắc của Phật giáo dưới thời nhà Trần.

Người tín đồ không bị bó mình trong đời sống đạo mà đã tham gia tích cực vào sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Phật giáo thời Trần mang một luồng sinh khí mới, đó là đạo gắn bó với đời. Đó chính là khuynh hướng nhập thế tích cực làm cho Phật giáo thời kỳ này không bị bị quan yếm thế [mối quan hệ gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam đã trở thành truyền thống, thành lịch sử và được biết đến như một đặc trưng của Phật giáo, khiến Phật giáo mang màu sắc Việt Nam mà không bị hòa trộn vào Phật giáo trong khu vực⁽²⁾]. Phật giáo, ngoài

việc đáp ứng được nhu cầu tinh thần phong phú của người dân thì còn phát huy tính nhập thế tích cực để đem lại lợi ích cho nhân dân và đất nước.

So sánh với châu Âu trung cổ, xu hướng [toàn trị] của Giáo hội Công giáo thẩm thấu không chỉ trên ngai vàng của hoàng đế mà trong tất cả các lĩnh vực của đời sống văn hóa xã hội Châu Âu từ thi ca cho đến văn học nghệ thuật, hội họa và tư tưởng⁽³⁾. Riêng với Đông Nam Á, Phật giáo Thái Lan là một trường hợp đặc biệt, tuy không xung đột với chính trị nhưng Phật giáo ở đây đã tạo ra một vị thế quyền lực phổ cập từ nội các chính phủ tới hoạt động thường nhật của người dân⁽⁴⁾.

Các vua Trần đã thực sự thấm nhuần lời dạy của đức Phật trong Kinh Trường A Hàm: [Biết đoàn kết, biết ăn ở hòa hảo cùng nhau và thường hội họp nhau lại để lo bàn việc nước thì không sợ gì sẽ bại vong mà nhất định sẽ được cường thịnh, phong phú thêm]. Đó chính là những nội dung tư tưởng Phật giáo nhập thế, kinh Phật hướng về nhân dân nên không thuyết giảng về những giáo lý cao siêu, trừu tượng mà dạy con người cách sống [đoàn kết, ăn ở hòa hảo và lo bàn việc nước].

Tư tưởng Phật giáo nhập thế thời Trần đã tạo ra những vị [Phật Hoàng] và [Phật Tướng]. Nếu thời Lý, các vua hàng năm đi cày [tịch điền] với dân; đến thời Trần, các vua nằm gai nếm mật với tướng sĩ ngoài chiến trường. Đó là vị tướng Lý Thường Kiệt dám đem quân đánh sang đất Tống nhưng lại nghị hòa khi kẻ thù đã ở thế thua, còn trong thời bình thì vị tướng đó lo xây dựng chùa chiền và chăm lo đời sống cho dân. Đó là danh tướng Trần Hưng Đạo ba lần đánh thắng quân Nguyên nhưng yêu thương binh sĩ như cha với con, và chủ trương [khoan thư sức dân]. Phật giáo thời Trần rất sinh động, không chấp tướng, không bó hẹp trong nhà chùa mà mang tính triết lý sống nhiều hơn là tín điều hay giáo lý.

2.2. Phật giáo vừa phong phú, đa dạng; vừa mang những nét đặc trưng riêng

Dòng Thiền ở Việt Nam từ thế kỷ II - III là Thiền Đại Thừa, Phật giáo thời gian này đã hòa quyện với tín ngưỡng bản địa để tạo nên một dòng Phật giáo dân gian tồn tại cho đến ngày nay. Phật giáo Việt Nam là sự kết hợp giữa Thiền, Tịnh, Mật, Nho, Lão trong đó Thiền có vai trò nổi trội hơn cả. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có cả Đại thừa, Tiểu thừa, và cả những tôn

phái của Phật giáo sau này lẫn Phật giáo nguyên thủy. Tất cả những điều đó đã làm cho Phật giáo Việt Nam trở nên phong phú, đa dạng và khác với Phật giáo các nước khác. Trên cơ sở cho rằng con người tạo nghiệp bởi lục căn, Trần Thái Tông chia một ngày làm sáu buổi, mỗi buổi sám hối một căn. Cứ như vậy, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, con người dần biến tâm mình thành hư, tức thành Phật, thấu suốt mọi lẽ huyền vi của trời đất, mọi bí ẩn của vũ trụ. *Khóa hư lục* là một giáo trình luyện tập nhằm biến tâm mình thành hư không. Đây là điểm độc đáo, là sự đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với Phật giáo thế giới.

2.3. Phật giáo mang đậm tinh thần yêu nước

Trong cuộc sống, ai hướng thiện, hướng tới tâm bao la bát ngát như biển cả thì người đó tiến dần đến giải thoát. Con người hướng thiện bằng việc phục vụ nhân sinh, nhân quần xã hội, trong quá trình đó tâm con người được mở rộng, càng trải rộng bao nhiêu thì càng đi dần đến giác ngộ, điều này khác với Phật giáo Ấn - Trung. Phật giáo Việt Nam là con đường giác ngộ đi đến cứu dân độ thế, trên đường này tâm con người ngày càng khai mở bao trùm thiên hạ, muôn loài, vạn pháp, tức đạt đến tâm Phật. Yêu nước thương dân, lấy nguyện vọng, mong muốn của dân làm nguyện vọng, mong muốn của mình.

Phật tử Việt Nam luôn nhìn ra và làm theo những cái thiện lớn. Muốn hợp thời đúng lúc, muốn theo đức lớn phải học tập Thượng Sĩ là không trái với người đời, trộn lẫn cùng thế tục, phải đứng trong hàng ngũ dân tộc, cảm gươm lên ngựa đánh đuổi quân xâm lược, đó là tùy nghi, quyền biến. Đã giác ngộ thì mọi hành động, cử chỉ suy nghĩ đều là Thiền. Thời Lý, Trần là thời kỳ vẻ vang và oanh liệt bậc nhất trong lịch sử phong kiến. Thiện lớn, đức lớn, hợp thời, đúng lúc, tùy nghi lúc này là phải cứu dân tộc, quê hương, đất nước khỏi giặc ngoại xâm. Thiền tông Việt Nam có tinh thần cứu nhân độ thế; cứu muôn dân, trăm họ là công việc khẩn thiết, cấp bách hơn cả, dù có vi phạm giới luật. Chính bằng việc khai mở tâm đi dần đến giác ngộ bằng con đường tham gia tích cực vào việc cứu đời nên Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp to lớn trong công cuộc chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập, chủ quyền cho dân tộc.

2.4. Phật giáo mang tính dung hòa, đề cao tinh thần đoàn kết nội bộ

Các tông phái Phật giáo Đại thừa sau khi du nhập vào Việt Nam hòa trộn cùng với nhau. Dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi pha trộn với Mật giáo. Nhiều vị thiền sư thời Lý như Vạn Hạnh, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không,... đều giỏi pháp thuật và có tài thần thông biến hóa. Thiền tông còn kết hợp với Tịnh Độ tông trong việc tụng niệm Phật A Di Đà và Bồ Tát. Từ xa xưa, trong quá trình dựng và giữ nước, các triều đại phong kiến Việt Nam rất quan tâm và nâng đỡ Phật giáo, lấy Phật giáo để "đoàn kết nhân tâm" vì thế Phật giáo đã thể hiện được vai trò là "hộ quốc, an dân" trong lịch sử Việt Nam.

Nhà Trần kế thừa được những giá trị tốt đẹp của Phật giáo đã ngấm sâu trong nhân dân. Dòng họ nhà Trần vốn là những người đã thấm nhuần tư tưởng Phật giáo từ thời Lý, nên khi cầm quyền các vua Trần đã đưa trí tuệ và đạo đức trở lại "ngự cung điện" và đã nâng tư tưởng Phật giáo lên một tầm cao mới. Chính từ những giá trị từ bi, bao dung độ lượng của Phật giáo nhập thể mà nhà Trần đã thu phục được lòng tin của trăm họ, khôi phục khôi đại đoàn kết toàn dân. Đó là yếu tố cơ bản để phục hồi sản xuất và xây dựng sức mạnh tinh thần của đất nước. Dưới thời nhà Trần, những giá trị tinh thần của Phật giáo đã được nâng cao và cụ thể hóa thành những triết lý cao cả của Phật giáo. Trong thời chiến, các vua Trần đã cùng xông pha trận mạc, cùng ăn, cùng nghỉ trong doanh trại với tướng sĩ. Phật giáo nhập thể chủ trương "đặt quốc gia, xã tắc lên trên hết" nên các vua Trần không ham hố quyền lực và vinh hoa phú quý, thường nhường ngôi sớm để lo truyền bá những tư tưởng cao cả của Phật giáo nhằm giúp nhân dân có được cuộc sống ấm no và bình yên.

Trong *Khóa Hư Lục*, Trần Thái Tông đã viết: không kể là sống ẩn trên núi hay giữa thành thị, không phân biệt tại gia hay xuất gia, tăng hay tục, điều chủ yếu là biện tâm, vốn không có phân biệt nam nữ sao còn chấp tướng. Vì vậy, Tuệ Trung Thượng Sĩ tuy chỉ là một cư sĩ tại gia, nhưng lại được trí thức và nhân dân coi như bậc Thầy trong đạo Phật. Phật giáo nhập thể và không chấp tướng đã tạo ra những mẫu người tuyệt vời, mà ở thời đại nào cũng cảm thấy tự hào - đó là các vị "Phật Hoàng", những người đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa những giá trị đạo đức: từ bi, hỷ xả, vô ngã của Phật giáo với pháp quyền của nhà nước để lãnh đạo toàn dân xây dựng đời sống ấm no,

an hòa và bảo vệ vững chắc quyền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, ông trở thành thiên tài quân sự của mọi thời đại một phần do đã đưa những giá trị cao cả của Phật giáo vào việc cầm quân và giữ nước. Trong việc cầm quân, ông dạy các tướng sĩ về [phụ tử chi binh] tức là trong quân đội tướng sĩ phải có tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau như cha con một nhà. Và chính ông, trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, tuy là người chỉ huy cao nhất nhưng luôn cùng tướng sĩ xông pha trận mạc và cùng ăn, cùng nghỉ trong doanh trại nơi chiến trường. Về dựng nước và giữ nước, ông đưa ra kế sách: [khoan thư sức dân làm kế sâu gốc, bền rễ, đó là thượng sách giữ nước] Những tư tưởng đó đều thấm đẫm trí tuệ và tinh thần nhân ái, bao dung và tinh thần nhập thế của Phật giáo.

Chỉ sau hơn 30 năm phục hồi từ tình trạng suy thoái của nền kinh tế cuối thời Lý, nhà Trần đã lãnh đạo nhân dân giành được chiến thắng oanh liệt - đánh thắng ba cuộc xâm lăng của đế quốc Nguyên - Mông hùng mạnh nhất thời đại - điều đó chứng tỏ nhà Trần đã thành công trong việc kế thừa và nâng cao những giá trị tư tưởng của Phật giáo thời Lý, trên cơ sở đó đã khai thác được sức mạnh đoàn kết theo tinh thần của Phật giáo nhập thế vốn đã ngấm sâu trong toàn thể các tầng lớp nhân dân không phân biệt đạo hay đời.

Trần Nhân Tông từng khuyên người ta rằng: [Trong nhà có của báu, chẳng cần phải tìm kiếm ở đâu xa xôi] (Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch - Cư trần lạc đạo phú) để nói Phật tính là cái vốn có trong con người, nhưng người ta vì vô minh mà không thấy được nó, nên mỗi ngày một xa rời chân tính, đắm chìm trong bể ái, nguồn mê. Chính vì lý do ấy, Phật Thích Ca ở nơi vô tịch của không tướng, xót nỗi luân hồi của chúng sinh, nên đã giáng thế, dùng sự giáo hóa của mình như một thứ thiện duyên để dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi bể khổ mà trở về miền lạc quốc - chỉ đất nước của sự an lạc, đất nước của những con người giác ngộ.

Sau khi Phật đã nhập diệt, sự cai trị của triều đại với ông vua tôn sùng Phật giáo (như thời Lý) có gì khác hơn là phải đảm nhận vai trò của cái thiện duyên, phải [đặt chúng dân vào nơi lạc quốc] như Nguyễn Công Bật đã chỉ ra trong Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ

đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi, phải khiến cho người người hướng hóa, tức là biến quốc gia của mình thành một lạc quốc giữa miền nhân gian. Như vậy, ông vua ngoài chức năng của một vị vua còn kiêm vai trò là giáo chủ, hoặc giả có là có một sự đồng nhất nào đó giữa ông vua với đức Phật để tạo ra một hình tượng vua Phật (Phật hoàng, Giác hoàng).

2.5. Khuyênh hướng hướng nội, đề cao trí tuệ, từ bi

Thứ nhất, tinh thần từ bi của Phật giáo thời Lý, Trần thể hiện ở đường lối trị nước bằng đức trị.

Trí tuệ Phật giáo hướng đến cách giải quyết các vấn đề không thuần túy lý luận hay siêu nghiệm mà hướng tới những biện pháp rất cụ thể, rất gần gũi với đời sống người dân và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước. Phật giáo thời Lý, Trần luôn chủ động gạn lọc, tiếp thu cái hay, gạt bỏ cái dở; từ đó, sáng tạo ra một xã hội thường xuyên đổi mới, trẻ trung, cập nhật với thời thế và có nhiều sinh khí. Phật giáo thời Lý, Trần đã góp phần không nhỏ xây dựng nền độc lập trong một giai đoạn lịch sử khá dài của Đại Việt.

Thứ hai, Phật giáo không cầm quyền, không đặc quyền, đặc lợi.

Khi nói Phật giáo trở thành Quốc giáo và [đạo đức ngự cung điện] là nói đến hệ tư tưởng chủ đạo của một dân tộc mà không phải là Phật giáo cầm quyền. Các vị [Phật Hoàng] là những người có [tâm Phật] đến chùa quy y, học giáo lý nhà Phật mà không phải là những tu sỹ. Phật giáo vượt lên trên để làm tròn sứ mệnh [thiên nhân chi đạo sư], nghĩa là chỉ làm cố vấn như Quốc sư Vạn Hạnh chỉ là người có công giáo dưỡng Lý Công Uẩn và đưa ông lên ngôi. Ngay cả các vị [Phật Hoàng] cũng thường nhường ngôi sớm để hành đạo mà không ham hưởng giàu sang, phú quý. Các Thiền Sư là những người tham gia đóng góp vào việc chính trị, cố vấn cho Vua trong việc trị nước, an dân nhưng không làm quan trong triều đình hay quan địa phương. Chỗ ở của chư tăng là nhà chùa, mặc áo vải màu nâu, lam. Các Thiền sư không lai vãng chốn triều đình, quan trường, chỉ khi nào cần, các vị Vua mới mời đến góp ý việc nước.

Phật giáo thời Lý, Trần không giữ độc quyền thao túng văn hóa mà cùng với các tôn giáo khác phát triển. Phật giáo cũng không xin việc hoặc quy lụy quyền môn để hưởng ân huệ. Phật giáo bao giờ cũng đứng ngoài chính quyền. Các thiền sư có đời sống

riêng, tại các tu viện, để tu đạo, hành đạo. Đạo Phật phát triển được khả năng kiến quốc, không phải là nhờ vào phép lạ mà do biết rút ra những kinh nghiệm đúng, sai từ những triều đại trước.

Thứ ba, Phật giáo là triết lý sống, không phải là những tín điều cứng nhắc.

Tất cả các tôn giáo đều có giáo lý riêng của mình, Phật giáo cũng có rất nhiều bộ kinh sách ghi lại những điều Phật dạy. Điều khác biệt là kinh Phật rất gần gũi với cuộc sống và lao động thường ngày của người dân như lời dạy của Đức Phật: □Này các tỷ kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại□ □ Lời dạy đó như là một □triết lý sống□, như sự truyền thụ □kỹ năng sống□ một cách giản dị, nên nhân dân tiếp thu rất dễ dàng. Phật giáo dựa trên sự từ bi, độ lượng và tự nguyện, không nhấn mạnh sự trừng phạt mà chỉ nhắc nhở mọi người nhớ đến □luật nhân quả□ của trời đất.

Triều đại Lý, Trần đánh dấu đỉnh cao của sự hội nhập Phật giáo vào đời sống kinh tế, xã hội của đất nước và đã hình thành một nước Đại Việt thật sự độc lập, tự chủ, có đủ sức mạnh tự thân để đánh đuổi mọi cuộc xâm lăng của các thế lực ngoại bang hung mạnh nhất. Phật giáo Lý, Trần không những chỉ sáng tạo những giá trị tư tưởng tôn giáo mà còn luôn chủ động tiếp thu cái hay, gạt bỏ cái dở, từ đó tạo ra một xã hội thường xuyên đổi mới, trẻ trung, cập nhật với thời thế. Đó là điểm nổi bật nhất của Phật giáo thời Lý, Trần, một tôn giáo gần gũi với nhân dân, chăm lo đời sống cho toàn dân và bảo vệ nền độc lập của đất nước - một tôn giáo hòa quyện hài hòa giữa đời và đạo.

Thứ tư, Phật giáo của toàn dân.

Phật giáo thời Lý, Trần không chỉ là những triết lý cao siêu giành cho giới trí thức và quan lại mà còn có những điều rất giản dị nên đã ngấm sâu vào mọi tầng lớp nhân dân. Những giá trị tinh thần cơ bản của Phật giáo thời Lý, Trần là đề cao trí tuệ, từ bi, khoan dung, độ lượng và nhập thế nên bản thân nó đã là của dân, do dân và vì dân, vì đó cũng chính là những giá trị văn hóa và cách sống đã hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước của người Việt. Nhà sử học Lê Văn Hưu đã mô tả bức tranh Phật giáo thời Lý như sau: Xây tháp cao ngất trời, trồng cột chùa đá chạm, chùa Phật lộng lẫy hơn cả cung vua, dân quá nửa là

sư sãi, khắp nước chỗ nào cũng chùa chiền□, đó cũng chính là hình ảnh Phật giáo của toàn dân. Những giá trị tư tưởng Phật giáo thời Lý, Trần mang □trí tuệ, đạo đức ngự cung điện□ và Phật giáo nhập thế của toàn dân.

3. Kết luận

Nhìn lại quá trình phát triển 400 năm thời Lý, Trần, những giá trị cao cả của Phật giáo đã ngấm sâu vào nhân dân thì đó là sức mạnh tiềm tàng to lớn, mà chỉ có những hiền tài xuất chúng của đất nước mới có thể khai thác được sức mạnh đó để giữ vững nền độc lập dân tộc và phục hồi kinh tế của đất nước. Lịch sử luôn lặp lại bài học của thời Lý, Trần: chỉ khi nào □đạo đức và trí tuệ ngự cung điện□ thì mới khai thác được sức mạnh tiềm tàng từ những giá trị văn hóa cao cả vốn có trong nhân dân để xây dựng và bảo vệ đất nước. Điều đó, khẳng định Phật giáo Việt Nam vừa có tính nhân loại, quốc tế, cái chung nhưng lại nổi trội hơn cả là bản sắc dân tộc, cái □tôi□ đặc thù, khác biệt, là cơ sở để phân biệt giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo các nước trên thế giới và khu vực./.

(1) Nguyễn Văn Kim, □*Thế ứng đối văn hóa của Đại Việt qua hành trang và tâm thức quý tộc thời Trần*□, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 311, tháng 5 năm 2010, tr.21.

(2) Trần Thị Thúy Ngọc (2024), *Phật giáo Lý, Trần trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Lao Động, tr.107.

(3) Thời Trung cổ, *Giáo hội lúc này vẫn là trung tâm về mặt không gian tinh thần và xã hội của đời sống người dân*, chưa hề có một sự tách biệt về lý trí và niềm tin như □thời kỳ ánh sáng□ sau này. Lòng nhiệt thành tôn giáo vẫn mãnh liệt. Đối với số đông, *tôn giáo vẫn là một phần chủ yếu của cuộc sống*. Giáo hội đã đề ra những lời giải thích cho cả những vấn đề huyền bí những vấn đề trần thế và mang lại □sự yên ổn□ cho cuộc sống hiện tại lẫn đời sau. Lúc đó Giáo hội vẫn là biểu tượng chính của xã hội thành thị. Cờ xí của các đội quân, huy hiệu của các phường hội, kể cả biểu tượng của thành phố cũng được đính thêm các biểu tượng dễ - biết của tôn giáo.

(4) Khi nhà vua Thái Lan đăng quang, luôn gắn với lời thề bảo hộ Phật giáo. Tổ chức của chính phủ Thái Lan và tổ chức tăng già là tương tự như nhau, có quyền lực độc lập theo chiều dọc và có sự gắn kết hỗ trợ theo chiều ngang; bổ sung cho nhau chứ không đối lập nhau. Tăng già và hoàng tộc Thái Lan là những giá trị định hình bền vững từ truyền thống, có tính truyền nối, còn chính phủ là quyền lực hiện đại, hoạt động quanh quỹ đạo mà Phật giáo và hoàng tộc làm trung tâm. Do đó chính phủ có thể thay đổi thường xuyên nhưng Phật giáo và hoàng tộc thì ổn định, là yếu tố chỉ đường bất di bất dịch của người Thái Lan. Xem: Nguyễn Thị Quế. *Phật giáo ở Thái Lan*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.99-101.